TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122025/DS-ST
Ngày: 03-3-2025.

"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự Hụi và vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thị Hoa L

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phát T

Ông Nguyễn Chí C

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Hoàng Anh V - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Cẩm G – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2024/TLST-DS, ngày 12/12/2024, "V/v tranh chấp hợp đồng dân sự hụi và vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐST-DS ngày 15/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2025/QĐST-DS ngày 13/02/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: số nhà 64, ấp TQ, xã TPT, huyện CT, tỉnh ĐT.

2. *Bị đơn*: Bà Phạm Thị K, sinh năm 1949 (có mặt)

Địa chỉ: số nhà 64/6, ấp TT, xã LT, huyện LV, tỉnh ĐT.

- *Người làm chứng*:

Đồng Thị Trang Đ, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: 66, ấp TQ, xã TPT, huyện CT, tỉnh ĐT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/11/2024, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn Đinh Thị Đ trình bày:

Vào năm 2014 âm lịch bà Phạm Thị K có vận động bà con trong khu vực tham gia chơi hụi, trong đó có bà Đ tham gia chơi hụi do bà K làm chủ hụi, với các dây hụi từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Dây hụi mùa khui ngày 10/9/2014al, giá hụi 2.000.000 đồng 01 năm khui 03 lần, có 13 phần, bà Đ tham gia 01 phần, tên hụi viên là THU Đ dây hụi này bà Đ đóng được 12 lần và hốt chót với số tiền 24.000.000 đồng, nhưng bà K không giao mà mượn lại dây hụi này để bà tràng hụi cho hụi viên khác, dây hụi này đã mãn.

Dây hụi mùa khui ngày 30/01/2016 al, giá hụi 5.000.000 đồng, hụi gồm 15 phần, bà Đ tham gia 02 phần, đóng được 08 lần với số tiền 80.000.000 đồng. Sau khi bà K không góp hụi cũng như không giao hụi cho hụi viên thì bà Đ có đến đòi tiền thì bà K hứa sẽ trả lại số tiền cho bà Đ. Dây hụi này đã mãn.

Đồng thời vào ngày 18/02/2018 bà Phạm Thị K có nhờ bà Đ hỏi mượn cho bà 25.000.000 đồng, có làm biên nhận, biên nhận ngày 18/02/2018 thể hiện bà K có thiếu bà Đ 25.000.000 đồng, biên nhận do bà Đ viết còn ghi họ tên và ký tên là do bà K ký và viết họ tên, thời hạn bà K hứa chỉ vài ngày bà K sẽ trả lại tiền, bà K nói mượn số tiền này để tràng hụi, sau đó bà K lại không trả lại cho bà Đ.

Tổng cộng tiền nợ hụi và tiền mượn là 129.000.000 đồng.

Đến năm 2019 bà Đ nhiều lần đến yêu cầu bà K trả số tiền hụi và tiền vay nhưng bà K hứa lần lượt không trả. Mà viết biên nhận ngày 11-1-2019 thể hiện bà K có nợ lại tiền hụi bà Đ 104.000.000 đồng, biên nhận do bà Đ viết còn ký tên ghi họ tên là do bà K ký, dòng chữ " Tôi xin hứa sẽ trả dần cho cô 7 Thu Đ" là bà K viết.

Từ ngày viết biên nhận đến nay bên bà K không có đóng lãi và trả vốn cho bà Đ.

Nay bà Đ yêu cầu bà K trả vốn tổng cộng của Hụi và vay là 129.000.000 đồng, lãi yêu cầu tính từ ngày 11-1-2019 đến ngày 11/01/2025 là 72 tháng, mức lãi suất 1% 92.880.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa bà Đ thừa nhận có nhận của bà K 20.000.000 đồng tiền lãi của số tiền 25.000.000 đồng nhưng bà Đồng thống nhất trừ 20.000.000 đồng này vào vốn vay 25.000.000 đồng, như vậy nợ vay còn lại 5.000.000 đồng bà K chưa trả cho bà Đ.Còn tiền hụi bà Đ vẫn yêu cầu bà K trả là 104.000.000 đồng, phần tiền lãi bà Đ thay đổi không yêu cầu phần lãi của số tiền vốn mà bà Đ yêu cầu trước đây.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn Phạm Thị K trình bày: Bà K thừa nhận có tham gia chơi hụi với bà Đ với tư cách là chủ hụi bà Đ là hụi viên cụ thể như sau:

Dây hụi mùa khui ngày 10/9/2014al, giá hụi 2.000.000 đồng 01 năm khui 03

lần, có 13 phần, bà Đ tham gia 01 phần, tên hụi viên là THU Đ dây hụi này bà Đ đóng được 12 lần và hốt chót với số tiền 24.000.000 đồng, trừ huê hồng 1.000.000 đồng còn lại 23.000.000 đồng nhưng bà K mượn lại dây hụi này của bà Đ. Đến nay chưa trả.

Dây hụi mùa khui ngày 30/01/2016 al, giá hụi 5.000.000 đồng, hụi gồm 15 phần, bà Đ tham gia 02 phần, đóng được 07 lần với số tiền 35.400.000.000 đồng. Sau đó bà K không có khả năng chơi tiếp nữa nên ngưng góp hụi.

Số tiền hụi này bà K chưa trả cho bà Đ. Đến ngày 11-1-2019 bà Đ viết sẵn biên nhận đem lên cho bà K ký, bà K thừa nhận có ký tên trong biên nhận ngày 11-1-2019 là chữ ký và viết họ tên là của bà K nhưng chữ viết dòng chữ " Tôi xin hứa sẽ trả dần cho cô 7 Thu Đ" thì không phải bà K viết. Biên nhận này bà K ký nhưng không có xem lại số tiền bao nhiêu, nay bà Đ cho rằng 104.000.000 đồng là bà K không đồng ý mà thống nhất là 58.400.000 đồng.

Ngoài ra vào ngày 18/02/2018 bà K có mượn của bà Đ số tiền 20.000.000 đồng chứ không phải 25.000.000 đồng, có biên nhận, chữ viết do bà Đ viết còn ký tên là do bà K ký, bà K thừa nhận tờ xác nhận ngày 18/2/2018 là đúng của bà K ký và ghi họ tên. Số tiền này bà K đã trả rồi, bà K đưa cho chị dâu bà Đ là bà Đồng Thị Trang Đ đưa lại cho bà Đ, ngoài ra bà K đóng cho bà Đ 8.000.000 đồng tiền lãi nhưng không có gì chứng minh.

Bà K không yêu cầu giám định chữ viết dòng chữ mà bà Đ cho rằng bà K viết trong cam kết ngày 11-1-2019 và biên nhận ngày 18-02-2018. Ngoài cam kết và Biên nhận bà Đ đưa ra, bà K không có giữ cam kết hay biên nhận nào khác thể hiện việc thiếu tiền giữa bà Đ và bà K.

Nay qua yêu cầu của bà Đ thì bà K chỉ đồng ý trả vốn hụi là 58.400.000 đồng, còn tiền vay bà K đã trả xong rồi nên không đồng ý trả 5.000.000 đồng còn lại.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký đã làm đúng thủ tục theo quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, tuy nhiên đối với người làm chứng không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Phạm Thị K trả cho bà Đ nợ hụi là 104.000.000 đồng, nợ vay là 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 109.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu lãi của bà Đ.

Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy, bị đơn Phạm Thị K có địa chỉ cư trú tại số nhà 64/6, ấp TT, xã LT, huyện LV, tỉnh ĐT. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp là đúng quy định của pháp luật nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Đối với người làm chứng Đồng Thị Trang Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên việc vắng mặt người làm chứng này không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn Đinh Thị Đ khởi kiện yêu cầu Phạm Thị K trả vốn hụi là 104.000.000 đồng và nợ vay là 25.000.000 đồng. Tổng cộng là 129.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà Đ đồng ý trừ ra 20.000.000 đồng tiền bà K đóng lãi cho bà Đ để trừ vào phần vốn, còn lại trong biên nhận vay là 5.000.000 đồng. Tổng yêu cầu là 109.000.000 đồng.Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với tiền hụi: Dây hụi thứ nhất thì bà K và bà Đ đều thừa nhận có tham gia hụi và dây hụi đã mãn. Tuy nhiên, theo bà Đ thì dây hụi này bà K còn nợ 24.000.000đ vì hốt cuối cùng nhưng không được bà K thừa nhận số tiền 24.000.000đ mà chỉ đồng ý còn 23.000.000đ (do trừ huê hồng 01 triệu đồng) nên bà K chỉ thừa nhận nợ 23.000.000đ và chưa giao lại cho bà Đ. Đối với dây hụi thứ hai, bà Đ cho rằng đã đóng 08 lần được 80.000.000đ thì bà K không giao hụi cho các hụi viên và ngưng dây hụi này. Tuy nhiên, bà K chỉ thừa nhận bà Đ đóng được 07 lần số tiền 35.400.000đ. Đối với biên nhận chốt nợ ngày 11/02/2019, bà K thừa nhận có ký tên trong biên nhận là chữ ký của bà K nhưng chữ viết dòng chữ "tôi xin hứa sẽ trả dần cho cô bảy Đ" thì không phải bà K viết và ghi họ tên biên nhận này nhưng bà K không yêu cầu giám định dòng chữ này và viết tên. Bà K thừa nhận có ký tên vào biên nhận nhưng không có xem lại số tiền bao nhiêu là không phù hợp. Bởi lẽ, Việc bà K ký tên vào biên nhận chứng minh đã thừa nhận số tiền còn nợ bà Đ và bà K cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh cho lời trình bày của bà K là có căn cứ. Việc bà K cho rằng ký tên nhưng không xem số tiền là bao nhiêu là không căn cứ vì bà K là chủ hụi biết chữ và biết rõ trước khi ký thì phải xem lại nội dung và chịu trách nhiệm với nội dung mình đã ký. Do đó, lời trình bày của bà K là chưa phù hợp.

Đối với khoản vay, xét thấy việc cho vay tiền thì hai bên thừa nhận nhưng số tiền vay thì không thông nhất với nhau. Theo bà Đ trình bày, cho bà K vay 25

triệu đồng để chứng minh cho lời trình bày của bà Đ là có căn cứ là tờ xác nhận ngày 18/02/2018 do bà K ký tên được bà K thừa nhận đúng là chữ ký của bà K nhưng bà cho rằng, bà K chỉ vay 20 triệu đồng và đã trả xong nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Việc bà K cho rằng đã gửi tiền cho chị Dâu bà Đ là bà Trang Đài nhưng không có cung cấp chứng cứ và người làm chứng bà Đài Tòa án tiến hành đi lấy lời khai nhưng không làm việc được với bà Đài. Tuy nhiên, tại tòa bà Đ thừa nhận có nhận 20 triệu đồng từ bà Trang Đài đưa cho bà Đ nhưng bà Đ cho rằng 20.000.000 đồng này là tiền lãi không phải gốc. Lời trình bày của bà Đ được bà K thừa nhận có đưa cho bà Trang Đài 20 triệu để trả cho bà Đ là trả gốc vay 20 triệu chứ không có vay 25 triệu nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa bà Đ đồng ý trừ 20 triệu đồng vào tiền gốc vay 25 triệu đồng, bà K còn nợ lại 05 triệu đồng. Bà K không đồng ý trả 5.000.000 đồng vì cho rằng chỉ thiếu và ký tên trong biên nhận 20.000.000 đồng nhưng và K không cung cấp được biên nhận 20.000.000 đồng nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Đ là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ. Buộc bà K có nghĩa vụ trả vốn hụi là 104.000.000 đồng, tiền nợ vay là 5.000.000 đồng cho bà Đ.

Đối với phần lãi tại phiên tòa bà Đ thay đổi, không yêu cầu lãi trên số tiền gốc yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung là có cơ sở nên thống nhất.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Đinh Thị Đ được chấp nhận, cho nên bị đơn Phạm Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên bà K là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 440, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yê**u** cầu của nguyên đơn Đinh Thị Đ

- Buộc bà Phạm Thị K có nghĩa vụ trả vốn hụi là 104.000.000 đồng, tiền vay là 5.000.000 đồng tông cộng là 109.000.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

Bà Phạm Thị K thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định.

Hoàn trả lại cho bà Đinh Thị Đ số tiền tạm ứng án phí là 7.740.000 đồng, theo biên lai số 0014260, ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3 Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 03/3/2025.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1/